

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 5 năm 2020

V/v: “Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Mạnh Cường** và ông **Đỗ Minh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Bằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 31/2020/TB-TA ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu 14, xã H, (trước đây là khu 4, xã Y), huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh **Tổng Đức H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu 7, (trước đây là khu 8), xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chị Thảo có mặt, anh Hảo vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Tổng Đức H. Cụ thể theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T trình bày như sau:

- Chị và anh Tổng Đức H tự nguyện về sống chung cùng với nhau từ năm 2004 cho đến nay nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh H thường xuyên rượu chè rồi đánh đuổi chị, nhiều lần còn đe dọa chém giết chị và các con, ngoài ra còn xúc phạm đến gia đình chị. Mặc dù chị cố gắng chịu đựng và khuyên bảo anh H nhưng không kết quả. Do mâu thuẫn giữa chị với anh H ngày càng nghiêm trọng không thể giải quyết được nên chị đã tự sống ly thân anh H. Nay chị xác định không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh Hảo được nữa, tình cảm không

còn và do chị và anh H không có đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Tống Đức H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Tống Đức H có với nhau 02 con chung là: Tống Thị Thùy D; sinh ngày 30/11/2005 và Tống Dương Q; sinh ngày 25/7/2007. Do anh H đánh đuổi và đe dọa nên chị phải ra khỏi nhà nên hiện cả hai con chung vẫn ở với anh H. Còn về phía anh H thường xuyên rượu chè rồi đánh con, lại hay đi làm vắng nhà vì vậy chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và hiện tại chị chưa yêu cầu anh Hảo phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* Đối với bị đơn là anh Tống Đức H: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt mà không có lý do.

* Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị T, anh H cư trú và sinh sống là xã H, kết quả như sau:

Anh Tống Đức H, sinh năm 1969 và chị Nguyễn Thị Thanh T đều có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã H, huyện T. Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay nhưng không được UBND xã đăng ký kết hôn. Trong thời gian chị T, anh H sống chung có xảy ra nhiều va chạm mâu thuẫn và hiện nay không còn chung sống với nhau nữa. Chị T và anh H đã có với nhau 02 con chung là Tống Thị Thùy D; sinh ngày 30/11/2005 và Tống Dương Q; sinh ngày 25/7/2007. Hiện hai con chung đang ở với anh H tại xã H nhưng anh H hay đi làm xa nên chị T vẫn là người thường xuyên qua lại thăm nom, chăm sóc hai con. Nay chị T có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh H và yêu cầu nuôi con chung, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Tống Đức H đều vắng mặt mà không có lý do. Vì vậy, việc Tòa án quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Tống Đức H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chị T và anh H sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng lại chưa từng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, đây hoàn toàn thuộc về trách nhiệm của đương sự do không làm thủ tục đề nghị đăng ký kết hôn theo quy định. Việc chị T và anh H chung sống đã nhiều năm mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, việc không

công nhận quan hệ hôn nhân chị T với anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về việc “Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình” nên yêu cầu của chị Thảo được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Mặc dù không được pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân nhưng trong thời gian chung sống, chị T và anh H đã có với nhau 02 con chung như đã nêu ở trên. Căn cứ vào hoàn cảnh thực tế hiện nay, thì anh H thường xuyên vắng nhà không thể bảo đảm việc chăm sóc nuôi dưỡng con, ngoài ra nguyện vọng các con chung đều mong muốn được ở chung cùng với mẹ. Xét chị T có đủ các điều kiện cần thiết và để cho các con chung có được sự chăm sóc đầy đủ và phát triển toàn diện nhất nên giao cả hai con chung cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên, chị T tự nguyện chưa yêu cầu về việc cấp dưỡng vì vậy trong vụ án này không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác chị T không yêu cầu và cũng do anh Hảo vắng mặt nên chưa có căn cứ để giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về việc “*Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình*”; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Tổng Đức H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là Tổng Thị Thùy D; sinh ngày 30/11/2005 và

Tổng Dương Q; sinh ngày 25/7/2007 (hiện hai con chung đều đang ở với anh H tại xã H, huyện T).

Anh Tổng Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2016/0001900 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành dân sự;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Xuân